| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 69/2019/HS-PT
Ngày: 20/5/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phồn

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Hà; Ông Phạm Văn Phấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Châu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/5/2019 và ngày 20/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 62/2019/TLPT-HS ngày 01/3/2019, đối với bị cáo Nguyễn Hữu T do có kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 124/2018/HS-ST ngày 26/12/2018 của Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

*Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:*

Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 02 năm 1976 tại huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT: xóm 11, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1945; vợ Lê Thị D, sinh năm 1985; con: có 02 người, lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất 07 tuổi; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

*Bị hại:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970 (đã chết)

*Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn S:*

- Bà Nguyễn Thị Hồng; Sinh năm 1974 (vợ ông Sáu). Bà Hồng kháng cáo. Có mặt
- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995 (con ông Sáu). Có mặt
- Anh Nguyễn Văn B, sinh 1996 (con ông Sáu). Có mặt.

Cùng trú tại: xóm 12, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1956. Trú tại: Xóm 10, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Luật sư Lê Thị Kim Soa - Văn phòng luật sư Lê Trần, Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976. Có mặt
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Vắng mặt
3. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: xóm 15, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/06/2018, Nguyễn Hữu T - sinh năm 1976 trú tại xóm 11, xã M, huyện Y, và Nguyễn Văn S - sinh năm 1970 trú tại xóm 12, xã M, huyện Y đến nhà anh Nguyễn Văn D ở xóm 15, xã M, huyện Y ăn uống. Khoảng 21 giờ 20 phút thì cả hai cùng nhau ra về, Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô Biển số 37H5-2742, ông Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô 37P1-278.25, cả hai đi theo đường liên xã M - xã M. Khi đến địa phận xóm 16 xã M thì xe mô tô do ông Nguyễn Văn S chạy trước, xe của Nguyễn Hữu T chạy sau. Đi đến đoạn xuống dốc cua về bên trái thì có xe mô tô chạy ngược chiều, đèn sáng chói nên Nguyễn Hữu T lái xe tránh sang bên phải thì đâm vào bàn để chân trái phía sau xe mô tô của ông Sáu. Do bị đẩy từ phía sau bất ngờ, nên xe mô tô 37P1-278.25 do ông S điều khiển lao xuống hành lang bên phải, rồi ngã xuống bờ mương nước, ông S bị va đập đầu, vai vào thành mương bê-tông rồi rơi xuống lòng mương. Sau khi va chạm thì Nguyễn Hữu T, cùng xe mô tô bị ngã tại hiện trường, người và xe trượt dài một đoạn. Sau khi bị ngã Nguyễn Hữu T dựng xe dậy, nhặt mảnh ốp nhựa mặt nạ của xe bỏ vào giỏ đeo hàng phía trước, đồng thời quan sát xung quanh không thấy xe và ông Sáu ở đâu nên điều khiển xe mô tô đi về nhà. Về đến nhà Nguyễn Hữu T gọi điện cho ông Nguyễn Văn D nhờ ông D điện hỏi xem ông S đã về nhà chưa vì Nguyễn Hữu T không có số điện thoại của ông S. Ông D đã điện thoại cho ông Sáu nhưng không liên lạc được, nên báo lại cho Nguyễn Hữu T biết. Nghe nói vậy Nguyễn Hữu T đi xe máy quay lại khu vực hiện trường cũ tìm kiếm thì thấy xe mô tô của ông Sáu ngã sát thành mương bê tông Nguyễn Hữu T lật xe để tìm kiếm ông Sáu nhưng không thấy nên đưa xe của ông S lên dựng ở lề đường và dùng đèn pin điện thoại để đi tìm ông S. Nguyễn Hữu T đi dọc mương nước khoảng 60 mét thì thấy ông S nằm ngửa giữa lòng mương, theo bị cáo là nạn nhân bị dòng nước đẩy đi một quãng, Nguyễn Hữu T đưa ông S lên nằm trên bờ mương và điện thoại thông báo cho mọi người biết sự việc. Nhận được tin báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành đã phối hợp với Pháp y tỉnh Nghệ An tiến hành khám nghiệm hiện trường, tử thi.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Vụ tai nạn giao thông giữa 02 xe mô tô xảy ra trên đường liên xã M - xã T, thuộc xóm 16, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Đường xuống dốc khoảng 7 đến 10 độ về hướng nam theo hướng của 02 xe mô tô di chuyển, có vòng cua về bên trái. Phía đông bắc là đồi trồng cây và nhà

ở của dân, phía tây nam là hành lang và mương nước bê - tông chảy theo mép ngoài hành lang tây nam, 1/2 ngoài hành lang có cây cỏ dại, 1/2 phần hành lang bên trong là đất sỏi và cỏ dại. Mặt đường rải nhựa bề rộng 3,5 mét, lề đất sỏi hai bên mỗi bên rộng 1 mét. Hiện trường không nguyên vẹn, do sau khi va chạm Nguyễn Hữu T đã nâng xe mô tô của ông S lên mục đích để tìm nạn nhân có nằm ở dưới xe hay không.

Lấy cột điện số 75B ngoài mép lề đường phía đông bắc bên đường xóm 16 xã M, huyện Y làm mốc cố định. Từ chân cột điện kéo về hướng tây nam 12,5 mét là điểm đầu về cày xước do bàn để chân trước bên trái xe mô tô biển số 37H5-2742 khi ngã xuống mặt đường trượt về hướng tây nam tạo ra. Điểm đầu của vết cày xước này cách trong mép nhựa phía Tây nam 30cm, điểm cuối cách ngoài mép nhựa tây nam 40 cm, chiều dài 8,2 mét, rộng 1,5 cm. Từ điểm cuối vết cày xước kéo ra lề đường và hành lang phía đường tây nam 29,5 mét xuất hiện vết bánh xe mô tô 37P1-278.25 đè lên cây cỏ mép ngoài hành lang, điểm đầu vết này cách mép đường nhựa phía tây nam 2,2 mét, điểm cuối cách mép trong thành mương nước bê tông 60 cm, chiều dài 3,5 mét, rộng 05 cm. Trên bề mặt thành mương bê tông phía đông, cách điểm cuối vết lốp xe mô tô đè lên cỏ 02 mét, cách mép đường nhựa phía tây 4,1m có vết sây xước bề mặt bê tông không rõ hình, kích thước dài 50 cm, hướng đông - tây; trên bề mặt thành mương nước phía tây, cách điểm cuối của vết lốp xe mô tô đè lên cỏ 02 mét, cách mép đường nhựa phía tây 3,5 mét có vết sây xước dài 30 cm, hướng đông tây. Khoảng cách giữa 02 vết sây xước 90 cm. Các dấu vết này do khi xe mô tô 37P1 - 278.25 khi ngã xuống trên bờ nương nước tạo ra.

- Khám xe mô tô 37H5-2742 của Nguyễn Hữu T: Dưới trước ống giảm xóc bánh trước bên phải, từ mặt đất lên 30 cm có vết sây xước kích thước 6 x 3,5cm, hướng trước ra sau, trên bề mặt bám dính chất cao su màu đen. Dấu vết này do khi xe mô tô 37H5-2742 đâm vào sau bàn để chân sau bên trái xe mô tô 37P1-278.25 tạo nên. Ngoài ra, xe mô tô 37H5-2742 còn có các dấu vết sây xước trên gương đèn xi nhan, ngoài tay lái bên trái, giá để chân trước bên trái, do khi ngã va đập và trượt trên mặt đường tạo ra.

- Khám xe mô tô 37P1-278.25 do ông Sáu điều khiển: Dưới, ngoài, phía sau bàn để chân sau bên trái, từ mặt đất lên 33 cm có vết sây xước bề mặt ống cao su và giá kim loại ốp ngoài ống cao su, kích thước 4 x 3cm, hướng sau ra trước. Dấu vết này do ống giảm xóc bánh trước bên phải xe mô tô 37H5-2742 đâm vào phía sau tạo ra. Ngoài ra, xe mô tô này còn có các dấu vết sây xước gương đèn chiếu sáng, yếm nhựa bên phải, bàn đạp chân phanh bị cong tước ra sau do khi ngã xuống trượt trên mép ngoài hành lang và va đập với thành mương bê tông tạo ra.

- Khám nghiệm tử thi ông Nguyễn Văn S: Vùng đầu, mặt, tai trái có vết xây xước, rách da, bầm tụ máu kích thước 16 x 8 cm; vùng hõm dưới bờ vai trái có vết xây xước da kích thước 15 x 16cm, hộp sọ dưới da vùng tương ứng bị nứt và các vết xây xước tại bàn tay trái, cẳng tay phải do cơ thể Nguyễn Văn S khi bị ngã xuống va đập với thành mương bê tông gây ra. Nguyên nhân chết là bị suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do ngạt nước trên nạn nhân bị chấn thương.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, đại diện cho nạn nhân ông Nguyễn Văn S là bà Nguyễn Thị H (vợ ông S) yêu cầu Nguyễn Hữu T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại gồm chi phí mai táng, tiền bồi thường tổn hại về tinh thần, tiền công của Nguyễn Văn S là 470 triệu đồng. Nguyễn Hữu T đã bồi thường cho gia đình nạn nhân 20 triệu đồng.

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2018/HS-ST ngày 26/12/2018 của Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng về tội "Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ". Thời hạn thử thách đối với bị cáo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/12/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, 586 và Điều 591 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại tổng số tiền 137.420.0000đ (một trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng). Bị cáo đã bồi thường trước 40.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là 97.420.000đ (chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi mươi ngàn đồng)

Ngoài ra Bản án còn xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/01/2019, bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm mức bồi thường cho gia đình bị hại.

Ngày 04/01/2019, người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Nguyễn Thị H kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt và không cho bị cáo T hưởng án treo. Tăng mức bồi thường về tổn thất tinh thần cho gia đình. Trong đó có đề nghị: Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ bị hại chết có phải do tai nạn giao thông không hay lý do khác. Nếu bị cáo phạm tội giao thông thì không phải ở khoản 1 mà là ở khoản 2 của Điều 260 BLHS, vì có dấu hiệu bị cáo bỏ mặc nạn nhân trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T rút toàn bộ nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên mức hình phạt của án sơ thẩm, chấp nhận bồi thường thêm 10 tháng lương cơ bản cho gia đình bị hại.

Bà Nguyễn Thị H, đại diện theo ủy quyền của bà H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồng có ý kiến: Họ kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị tăng hình phạt, không cho bị cáo hưởng án treo; tăng bồi thường bằng 100 tháng lương cơ bản và bổ sung thêm bồi thường hơn 100 tháng lương cơ bản để khắc phục cho gia đình bị hại và nếu có căn cứ, đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại từ đầu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo về xin giảm hình phạt và xin giảm mức bồi thường dân sự. Nên miễn xét. Bị cáo đồng ý một phần nội dung kháng cáo của đại diện bị hại về tăng bồi thường về tổn thất tinh thần và đồng ý bồi thường thêm 10 tháng lương cơ bản cho gia đình bị hại, cần chấp nhận.

- Kháng cáo của đại diện bị hại về tăng hình phạt không cho bị cáo hưởng án treo hoặc hủy án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Sửa án sơ thẩm về bồi thường dân sự, buộc bị cáo bồi thường thêm cho gia đình bị hại 10 tháng lương cơ bản.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị cáo Nguyễn Hữu T và người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Nguyễn Thị H kháng cáo trong thời hạn kháng cáo và phạm vi kháng cáo nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hữu T đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và đúng qui định của pháp luật. Nên cần chấp nhận.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của người làm chứng, lời khai của bị cáo và những người làm chứng trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, căn cứ vào sơ đồ hiện trường tai nạn, biên bản khám xét phương tiện gây tai nạn, khám nghiệm tử thi và các tài liệu khác có đủ cơ sở kết luận: Sau khi Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu S ăn uống tại nhà ông Nguyễn Văn D thuộc xóm 15, xã M xong thì ông Nguyễn Văn S và Nguyễn Hữu T đi ra về, cả hai đều điều khiển xe mô tô, cùng nhau đi trên một tuyến đường liên xã M - xã M, ông Nguyễn Văn S điều khiển đi trước, Nguyễn Hữu T điều khiển xe đi phía sau. Khi cả hai người đi đến địa phận xóm 16, xã Mỹ Thành, đoạn đường này xuống dốc hơi cua về bên trái thì có một chiếc xe mô tô chạy ngược chiều, đèn sáng chói nên Nguyễn Hữu T đã lái xe tránh sang bên phải thì đâm vào bộ phận bàn để chân bên trái phía sau xe mô tô của ông Sáu, Nguyễn Hữu T và xe mô tô ngã tại hiện trường. Do bị đẩy mạnh từ phía sau bất ngờ, nên xe mô tô 37P1-278.25 do ông Nguyễn Văn S điều khiển lao xuống hành lang bên phải, rồi ngã xuống bờ mương nước, ông Sáu bị va đập đầu, vai vào thành mương bê tông rồi rơi xuống lòng mương. Hậu quả là ông Nguyễn Văn S bị chết do chấn thương nứt sọ não, ngạt nước, suy hô hấp. Với hành vi trên, cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo về tội "Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ" là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo người đại diện hợp pháp của bị hại

Về nội dung kháng cáo: Hội đồng xét xử chưa làm rõ cái chết của ông Sáu có phải nguyên nhân do tai nạn xảy ra hay không vì hiện trường xảy ra vụ tai nạn khác hoàn toàn theo lời khai của bị cáo cũng như các dấu vết trên cơ thể nạn nhân và các vật chứng khác thấy rằng:

Căn cứ vào lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn D thì khi ông D đến hiện trường thì thấy chiếc xe máy ông Sáu đi dựng bên vệ đường. Ông D và T đi tìm ông S thì thấy xác ông S ở dưới mương nước, khoảng cách từ nơi thấy xác đến chiếc xe ông S ngã là khoảng 50m. Sau đó T đã đưa xác anh S lên mép bờ và cả hai người cùng sơ cứu cho ông S nhưng ông S đã chết.

Chị Nguyễn Thị H khai: "Tôi đang ngồi xem phim trong nhà thì nghe tiếng xe bị ngã có tiếng "rầm", thì tôi đứng ở thềm nhà nhìn ra ngoài đường thấy anh T bị ngã xe và đang dựng xe máy và đi tìm dép và mặt nạ xe, lúc đó tôi cũng không để ý". Lời khai của người làm chứng phù hợp lời khai của bị cáo, thể hiện, khi xe bị cáo va chạm với xe bị hại, bị hại bị ngã xuống mương nước, chứ không phải bị hại ngã trên đường rồi bị người khác ném xuống mương nước. Ông S ngã xuống mương có nước chảy, nên nước đã đẩy ông S đi một quãng.

Ông Nguyễn Văn D cũng trình bày: Khi đến hiện trường, có gặp chị H, chị H cũng trình bày: Khi nghe tiếng xe ngã, chị H nhìn ra thì chỉ thấy anh T ở hiện trường, không thấy người khác ngã trên đường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D trình bày: Khi đến hiện trường, ông có gặp chị H hỏi xem có ai bị tai nạn được mọi người đưa đi cấp cứu không, thì chị H trả lời "nghe tiếng rầm, chị nhìn ra, chỉ thấy 1 người ngã trên đường, chính là anh T, anh T bò dậy, thu nhặt mảnh xe máy bị vỡ, ngoài ra không thấy người nào khác ngã trên đường". Khi đến hiện trường ông D cùng Nguyễn Hữu T đã trực tiếp hô hấp nhân tạo cho ông Sáu, nhưng không có kết quả. Ông D cũng xác nhận: Ông S là một thợ xây trong tổ thợ của ông D, xây dựng nhà cho Nguyễn Hữu T, quan hệ giữa bị cáo T và ông S là hòa đồng, không có mâu thuẫn gì. Ngay cả trong đêm ăn uống tại nhà ông D, bị cáo và nạn nhân cũng không có xích mích gì.

Trong các bản cung, bản tự khai và tại phiên tòa, bị cáo T khai: trên đường về, T và anh S điều khiển xe cùng hướng, do bị đèn pha của xe mô tô đi ngược chiều chiếu vào mặt nên không quan sát rõ phía trước và tăng ga đột ngột nên dẫn đến xe mô tô do T điều khiển đâm vào xe mô tô do anh S điều khiển làm anh S bị ngã lao xuống mương nước bị đa chấn thương và sau đó tử vong. Vị trí va chạm đầu tiên mặt sau của giá để chân sau bên trái xe ông S và mặt trước đầu càng xe bên phải của xe T điều khiển.

Căn cứ kết luận giám định số 209/KLGĐ – PC54 ngày 31/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An thì vị trí va chạm đầu tiên giữa hai xe mô tô 37H5 – 2742 (do T điều khiển) và xe mô tô 37P1 – 278.25 (do ông Sáu điều khiển) trên hiện trường: ở phần bên phải đường liên xã M - Đại theo hướng từ xã Đ đi xã M; trên phương tiện: mặt trước giảm xóc trước bên phải xe 37H5 – 2742 và mặt sau, dưới của giá để chân sau bên trái xe 37P1 – 278.25.

Căn cứ thông báo kết luận giám định số 340 ngày 24/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Thành thì nguyên nhân chết của ông Nguyễn Văn S là do suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do ngạt nước trên nạn nhân bị chấn thương. Ngoài ra thông báo kết luận giám định còn phản ánh bên ngoài nạn nhận bị nhiều vết xây xát, xây xước, mài miết, mất lớp thượng bì da, rách da, bầm tụ máu; trong thành khí quản chứa nhiều nước, dị vật dạng bùn...

Bộ luật tố tụng hình sự qui định: Việc chứng minh tội phạm do cơ quan pháp luật. Trường hợp cá nhân, tổ chức nếu phát hiện có tội phạm cần có các chứng cứ tài liệu chứng minh, như: Sự thừa nhận của người vi phạm, băng đĩa ghi âm, ghi hình phản ánh sự vi phạm. Trong vụ án này, các tài liệu, chứng cứ của cơ quan điều tra, truy tố không chứng minh được nạn nhân Nguyễn Văn S bị người khác cố ý giết. Mà chỉ đủ căn cứ kết luận: Nạn nhân chết là do tai nạn, và tai nạn đó là do Nguyễn Hữu T gây ra khi đang tham gia giao thông.

Về nội dung kháng cáo cho rằng: Sau khi gây tai nạn bị cáo trốn tránh, không cứu giúp bị hại; Cơ quan điều tra không giám định vết máu tại hiện trường, không đo nồng độ cồn của bị cáo để truy tố xét xử bị cáo theo qui định tại khoản 2 Điều 260 BLHS.

Tuy nhiên án sơ thẩm đã nhận định: "Sau khi va chạm thì Nguyễn Hữu T đã bị ngã, lúc này trời tối, bị cáo không hề quan sát được phía trước, không biết được người bị nạn ra sao. Bị cáo không hề bỏ trốn, trốn tránh trách nhiệm của mình, nên không đủ căn cứ để kết luận bị cáo vi phạm điểm c khoản 2 Điều 260 của BLHS. Hiện trường vụ tai nạn có xáo trộn hai điểm, đó là xe của bị hại đã được đưa lên dựng tại lề đường và nạn nhân đã được đưa lên bờ mương mục đích để cấp cứu, hô hấp. Nhưng việc di dời chiếc xe máy và thân thể của ông Sáu chỉ là do tìm kiếm và cấp cứu nạn nhân, không có nghi ngờ gì về việc bị cáo tạo hiện trường giả để che dấu một tội phạm khác. Hiện trường vụ tai nạn còn lại đã tồn tại một cách khách quan, không có sự thay đổi, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp của của bị hại cho rằng bị cáo thay đổi hiện trường là không có cơ sở".

"Người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại còn cho rằng tại địa điểm hai xe va quệt với nhau có để lại 01 vết máu tại hiện trường, cơ quan điều tra không tiến hành trưng cầu giám định để làm rõ máu của người nào là cơ quan điều tra chưa thực hiện hết nhiệm vụ trách nhiệm của mình, cần phải tiến hành điều tra lại. Căn cứ vào biên bản khám nghiệm tử thi, thì trên thân thể của ông S không có vết thương gây chảy máu, chỉ có những vết thâm tím, bầm dập, xây xước da do cơ thể ông Sáu bị va đập mạnh và chà xát tại thành mương bê tông gây ra. Nên cơ quan điều tra không cần trưng cầu giám định cũng như không làm mất đi tính khách quan của vụ việc. Do vậy người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp bị hại đề nghị Tòa xem xét nhưng vấn đề trên là không có căn cứ, không có cơ sở để trả hồ sơ điều tra bổ sung".

Việc nhận định của án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về đo nồng độ cồn của bị cáo: Tại cấp sơ thẩm, không đo nồng độ cồn bị cáo trong đêm xảy ra tại nạn. Lý do: Lúc đó, chưa xác định rõ do ông Sáu tự ngã hay do bị cáo T gây ra. Chiều ngày hôm sau 24/6/2018, Nguyễn Hữu T mới thừa nhận và mới xác định được xe bị cáo đã va chạm với xe máy của ông Sáu, dẫn đến vụ tai nạn. Do đó, việc kiểm tra nồng độ cồn đối với bị cáo T ở thời điểm buổi chiều 24/6/2018 là không khách quan, nên công an Yên Thành không tiến hành đo nồng độ cồn đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm vào sáng ngày 15/5/2019 bị cáo khai trong đêm

23/6/2018, Công an huyện có tiến hành đo nồng độ cồn của bị cáo. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh bổ sung. Kết quả: Công an huyện Yên Thành đã lấy lời khai của bị cáo và có công văn số 615/BC-CA4 (CSGT) ngày 16/5/2018, xác định do chiều hôm sau mới xác định T gây ra tai nạn, nên Công an huyện Yên Thành không đo nồng độ cồn, vì lúc đó đo là không khách quan.

Tại phiên tòa ngày 20/5/2019, bị cáo trình bày: Do nhận thức không đầy đủ, do lo sợ nên đã khai tối 23/6/2018, công an có đo nồng độ cồn của bị cáo Thực tế là công an không đo nồng độ cồn bị cáo.

Như vậy, việc không đo nồng độ cồn là do diễn biến và điều kiện khách quan, cơ quan điều tra không có lỗi.

Do tài liệu điều tra không có văn bản xác định nồng độ cồn của bị cáo nên không có căn cứ kết luận bị cáo phạm tội theo điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định: Có xảy ra việc va chạm giữa xe do Nguyễn Hữu T điều khiển và xe do ông Nguyễn Văn S điều khiển. Sau khi xảy ra va chạm, cả hai xe bị ngã, Thìn ngã trên đường và ông Sáu bị ngã và rơi xuống mương nước. Nguyên nhân tử vong của ông S là do suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do ngạt nước. Các vết thương trên cơ thể của ông Sáu không có dấu hiệu bị đánh đập như nội dung kháng cáo của bà Hồng nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này.

Đối với nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị không cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Hữu T sau khi đã uống rượu bia, điều khiển xe máy tham gia giao thông không chấp hành theo quy định của luật giao thông đường bộ. Hậu quả gây ra tai nạn và làm nạn nhân ông S tử vong. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã gây mất trật tự an toàn giao thông, xâm phạm đến tính mạng của ông Nguyễn Văn S được Nhà nước và pháp luật bảo vệ. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại, trước khi xử sơ thẩm bồi thường 40 triệu đồng. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quyết định xử phạt bị cáo 15 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp. Đặc biệt, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm 70 triệu đồng và ngày 14/5/2019 trước ngày xét xử phúc thẩm, bồi thường tiếp 11.800.000đ. Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, ngày 19/5/2019 bị cáo Thìn bồi thường tiếp 15.200.000đ. Tổng cộng bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại là 137.000.000đ. Điều đó thể hiện sự thành khẩn, ăn năn hối cải. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nên không cần phải tăng mức hình phạt như kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại. Bị cáo có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định, rõ ràng, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe phòng ngừa và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại từ đầu.

Xét thấy: Nếu hủy án sơ thẩm để đo nồng độ cồn của bị cáo, giám định vết máu trên đường, thì nay không thể thực hiện được vì nay không còn mẫu vật.

Việc khám nghiệm hiện trường, tử thi, xe máy thực hiện đúng pháp luật. Nên không có cơ sở hủy án sơ thẩm.

Xét nội dung kháng cáo đề nghị tăng bồi thường của đại diện hợp pháp của gia đình bị hại thấy rằng:

Cấp sơ thẩm đã xem xét các khoản thiệt hại thực tế và căn cứ theo quy định của pháp luật đã chấp nhận các khoản như sau:

- Tiền hòm vỏ, dày dép, vải khâm lượm 10.000.000 đồng
- Chi phí làm lăng mộ một lần 20.120.000 đồng
- Tiền mâm cỗ làm lễ 3 ngày 5.000.000 đồng
- Tiền mâm cỗ làm lễ 49 ngày 5.000.000 đồng
- Tiền tổn thất tinh thần 70 tháng x 1.390.000 đồng = 97.330.000 đồng

Tổng tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho đại diện gia đình bị hại là 137.420.000 đồng.

Như vậy, các khoản mai táng phí thực tế cấp sơ thẩm đã xem xét là phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên xét ông Sáu mất đi là sự mất mát không thể nào bù đắp được cho gia đình bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo rút kháng cáo xin giảm bồi thường, chấp nhận bồi thường thêm 10 tháng lương cơ bản cho gia đình bị hại để bù đắp phần nào về tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại, cần buộc bị cáo bồi thường về tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại là 80 tháng lương cơ bản, là phù hợp với qui định của pháp luật. Cần chấp nhận nội dung kháng cáo này của người đại diện hợp pháp của bị hại.

Các khoản bị cáo phải bồi thường cho đại diện hợp pháp gia đình bị hại gồm:

- Tiền hòm vỏ, dày dép, vải khâm lượm 10.000.000 đồng
- Chi phí làm lăng mộ một lần 20.120.000 đồng
- Tiền mâm cỗ làm lễ 3 ngày 5.000.000 đồng
- Tiền mâm cỗ làm lễ 49 ngày 5.000.000 đồng
- Tiền tổn thất tinh thần 80 tháng x 1.390.000 đồng = 111.200.000 đồng

Tổng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho đại diện hợp pháp bị hại là 151.320.000 đồng.

Trong giai đoạn sơ thẩm bị cáo đã bồi thường được 40.000.000 đồng, trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo bồi thường thêm cho gia đình bị hại 97.000.000đ, tổng cộng bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 137.000.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu đồng), nên tính trừ cho bị cáo. Nay bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 14.320.000 đồng (mười bốn triệu, ba trăm, hai mươi nghìn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hữu T không phải chịu tiền án phí Hình sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm và dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do có thay đổi mức bồi thường, nên cần phải tính lại mức án phí dân sự bị cáo phải chịu cho đúng với qui định của pháp luật, số

tiền bị cáo đã bồi thường không buộc bị cáo phải chịu án phí.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận việc rút toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp bị hại bà Nguyễn Thị H: Sửa Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng về tội "Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ". Thời hạn thử thách đối với bị cáo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/12/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, 586 và Điều 591 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại gồm bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn B, tổng số tiền 151.320.0000đ (một trăm năm mươi mốt triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng). Bị cáo đã bồi thường trước 137.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 14.320.000 đồng (mười bốn triệu, ba trăm, hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và án phí dân sự 716.000đ (bảy trăm, mười sáu nghìn đồng); không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Tòa án nhân dân huyện Yên Thành;
- VKSND huyện Yên Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Yên Thành;
- Cơ quan THAHS CA huyện Yên Thành;
- Chi Cục THADS huyện Yên Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Mỹ Thành;
- Lưu HSVA, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đăng Phồn**